

SỞ Y TẾ ĐẮK NÔNG  
TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Đắk Nông, ngày tháng 9 năm 2024

V/v mời báo giá môi trường, chủng  
vi sinh vật phục vụ hoạt động xét  
nghiệm năm 2024

**Kính gửi:** Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trên cơ sở Đề xuất mua môi trường, chủng vi sinh vật phục vụ hoạt động xét nghiệm 2024 của khoa XN-CDHA-TDCN ngày 05 tháng 9 năm 2024.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho hoạt động xét nghiệm dịch vụ với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Hồ Thị Thương, nhân viên khoa XN-CDHA-TDCN, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông.

SĐT: 0942149898.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Hồ Thị Thương, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Nhận qua email: [khoaxncdcdaknong2019@gmail.com](mailto:khoaxncdcdaknong2019@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá : từ ngày 06 tháng 9 năm 2024 đến trước 17h00 phút ngày 17 tháng 9 năm 2024.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá : Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2024 (Tính từ ngày hết thời gian nhận báo giá).

**II. Nội dung yêu cầu báo giá :**

1. Danh mục và mẫu báo giá : Có phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo.
2. Đại điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa :
  - Kho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
  - Vận chuyển bốc xếp vào kho, bảo quản đóng gói cẩn thận.
3. Giao hàng dự kiến : Quý IV/2024.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Không thực hiện tạm ứng; thanh toán khi thực hiện xong hợp đồng và cung cấp đầy đủ các loại hồ sơ, giấy tờ liên quan./.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như trên ;
- Khoa XN, P.TC-KT, P.KH-NV

**Đặng Thành**

**PHỤ LỤC 1:***(Ban hành kèm theo Thư mời báo giá số :**ngày tháng 9 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông)*

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Đvt</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Môi trường SDA	Môi trường đóng gói dạng hạt Peptone from Casein 5.0; peptone from meat 5.0; D-Glucose 40g; Agar 15g	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 10 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
2	Môi trường Slanetz and Bartley	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Tryptose 20 g/l; Yeast Extract 5 g/l; D(+)-Glucose 2 g/l ; K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> 4 g/l; Na <sub>3</sub> N 0.4 g/l; 2,3,5-Triphenyl Tetrazoliumchloride 0.1 g/l; Agar-Agar* 10 g/l	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 10 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
3	Môi trường BEA	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Peptone from Casein 17g; peptone 3g; yeast extract 5g; sodium chloride 5g; aesculin 1g; ammonium iron(III) citrate 0,5g; ox bile 10g; sodium azide 0,15g; agar-agar 13g;	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 10 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
4	Môi trường Peptone water	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> (Proteose peptone 10g; Sodium chloride 5g; Disodium phosphate, anhydrous 3,5g; Monopotassium phosphate 1,5g)	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
5	Môi trường TSA	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Pancreatic Digest of Casein 15g; Soy peptone 5g; Sodium Chloride 5g; Agar 15g	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
6	Môi trường Cary - Blair	Sodium Thioglycollate 1.5 Disodium Phosphate 1.1 Calcium Chloride 0.09 Sodium Chloride 5.0 Agar 5.0	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
7	Alkaline Peptone water	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Peptone 10.0; Sodium chloride 10.0	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
8	Endo Agar	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Peptones 10.0; di-potassium hydrogen phosphate 2.5; lactose 10.0; sodium sulfite, anhydrous 3.3; pararosanilin (fuchsin) 0.3;	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng

TT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
		agar-agar 12.5			tháng
9	Môi trường SS Agar	Môi trường đóng gói dạng hạt	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
10	Selenite Cystine (SC) broth	Môi trường đóng gói dạng hạt	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
11	Tryptophan Broth	Môi trường đóng gói dạng hạt	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
12	Môi trường MR-VP	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> pH: 6,8 – 7,0 (17 g/l, H <sub>2</sub> O, 37 °C) (sau khử trùng ướ́t); Độ tan: 17g/lít	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
13	Môi trường MKTTn	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Meat Extract 4,3g; Enzymatic Digest of Casein 8,6g; NaCl 2,6g; NaCl 38,7g; Sodium Thiosulfate x 5 H <sub>2</sub> O 47,8g; Ox Bile for bacteriological use 4,78; Brilliant Green 0,0096g; Novobiocin Sodium Salt 0,04g;	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
14	Môi trường RVS	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> pH: 6,8 – 7,0 (17 g/l, H <sub>2</sub> O, 37 °C) (sau khử trùng ướ́t); Độ tan: 17g/lít	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
15	Môi trường XLD	<b>Môi trường đóng gói dạng hạt</b> Lactose 7,5 g; Sucrose 7,5 g; Sodium Thiosulfate 6,8 g; L-Lysine 5,0; Sodium Chloride 5,0 g; Xylose 3,75 g; Yeast Extract 3,0 g; Sodium Deoxycholate 2,5 g; Ferric Ammonium Citrate 0,8 g; Phenol Red 0,08 g; Agar 15,0 g.	Chai	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng

TT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
16	Chủng chuẩn <i>Shigella flexneri</i> (2b) derived from ATCC® 12022™	Chất thử thí nghiệm: <i>Shigella flexneri</i> (2b) * Chủng vi sinh có số đời cấy chuyển số 1 * Sử dụng cho các PTN kiểm nghiệm theo chương 6.5.2. của ISO 17025 * Quy cách đóng gói: + Một bộ bao gồm 1 que + Mỗi que bao gồm một viên chủng vi sinh đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
17	Chủng chuẩn <i>Salmonella enterica</i> subsp. <i>enterica</i> serovar Typhimurium derived from ATCC® 14028™	Đặc điểm sản phẩm: + Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên chủng vi sinh đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Chủng vi sinh có số đời cấy chuyển số nhỏ hơn hoặc bằng 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng
18	Chủng chuẩn <i>Escherichia coli</i> derived from ATCC® 25922™	Đặc điểm sản phẩm: + Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên chủng vi sinh đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C * Chủng vi sinh có số đời cấy chuyển số nhỏ hơn hoặc bằng 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Bộ	1	Hạn sử dụng lúc nhận hàng trên 12 tháng hoặc phụ thuộc vào tính chất sản xuất nhưng không ngắn hơn 07 tháng

## PHỤ LỤC 2

### Mẫu báo giá (áp dụng cho hàng hoá)

Tên hãng sản xuất, nhà cung cấp: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Mail:.....

### BÁO GIÁ

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông.**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, Công ty/Doanh nghiệp, ..... báo giá các dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hoá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá <sup>1</sup> (VND)	Thành tiền (VND)
1	Mặt hàng A							
2	Mặt hàng B							
n	...							
<b>Tổng cộng:</b>								

**Số tiền bằng chữ:** .....

<sup>1</sup> Đơn giá trên đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí và Chi phí cho các dịch vụ liên quan.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp đơn vị cung ứng**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*